

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**BIÊN DỊCH 1**

**Số tín chỉ: 03**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc**

**Năm 2022**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Biên dịch 1

2. Mã học phần: NNTQ 045

3. Số tín chỉ: 3 (0,3)

4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên đại học năm thứ 3 (kỳ II)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 0 giờ lý thuyết, 90 giờ thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Lý thuyết dịch

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlan@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Hứa Thị Xuyên	0364452107	htxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Biên dịch 1 gồm 4 chương. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: Từ vựng, cách dùng từ, cấu trúc câu cố định, cấu trúc các loại câu phức, cách biểu đạt đoạn văn trong các lĩnh vực của đời sống như giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày được cách dịch cấu trúc câu trong	4	[1.2.1.2d]

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả mục tiêu</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng mục tiêu CTĐT</b>
	câu đơn, câu phức và các đoạn văn trong các lĩnh vực của đời sống như giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.		
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Sử dụng đúng kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc câu, các thuật ngữ chuyên ngành có liên quan đến các lĩnh vực của đời sống: Giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.	4	[1.2.2.2]
MT2.2	Tuân thủ văn hoá giao tiếp của người Trung Quốc trong thực hành kỹ năng dịch và biết gìn giữ văn hoá của Việt Nam trong giao tiếp hàng ngày và trong công việc.	4	[1.2.2.2]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3.1	Sử dụng đúng kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng CĐR của CTĐT</b>
<b>CĐR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CĐR1.1	Xác định được các từ vựng, cụm từ, từ viết tắt và cấu trúc câu được dùng để dịch các bài có liên quan đến các lĩnh vực của đời sống: Giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.	4	[2.1.5]
CĐR1.2	Trình bày được nghĩa của các cấu trúc cố định trong chương 1, áp dụng làm bài tập.	4	[2.1.5]
CĐR1.3	Trình bày được ý nghĩa, đặc điểm, cách dùng của các cặp liên từ trong câu phức đẳng lập,	4	[2.1.5]

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng CDR của CTĐT</b>
	câu phức chính phụ.		
CDR1.4	Liệt kê được các từ vựng, cụm từ, cấu trúc câu sử dụng để dịch các đoạn văn trong các lĩnh vực của đời sống như giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.	4	[2.1.6]
CDR1.5	Xác định, liệt kê được các từ, cụm từ thường xuyên viết tắt bằng chữ la tinh về các tổ chức quốc tế, và các đơn vị tổ chức khác bằng tiếng Trung.	4	[2.1.6]
<b>CDR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CDR2.1	Phân tích được đặc điểm các loại văn bản, vận dụng đúng từ ngữ, cấu trúc câu phù hợp và kỹ thuật dịch để dịch đúng các văn bản có liên quan đến các lĩnh vực trong học phần.	4	[2.2.2]
CDR2.2	Dịch đúng các nội dung so với văn bản gốc. Tuân thủ đúng các yêu cầu dịch đối với từng dạng văn bản theo đúng văn phong tiếng Trung Quốc.	4	[2.2.2]
<b>CDR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	4	[2.3.1]
CDR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	4	[2.3.4]

**10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần**

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần									
		CDR1					CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第一章 固定词组的翻译	4	4				4	4	4	4	4
2	第二章 复句的翻译	4		4			4	4	4	4	4
3	第三章 短语的翻译	4			4		4	4	4	4	4
4	第四章 越语缩略语的翻译	4				4	4	4	4	4	4

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1 điểm	20%	- Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá bài tập cá nhân. - Đánh giá chuyên cần.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5.	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Kiểm tra định kỳ	3 điểm	80%	Tự luận (90 phút).	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5.	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	

### 11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

## 12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

## 13. Tài liệu phục vụ học phần

### - Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ, (2019), *Giáo trình Biên dịch 1*.

[2] - Nhật Phạm (2018), *Bài tập luyện dịch tiếng Trung ứng dụng*, NXB Hồng Đức.

### - Tài liệu tham khảo:

[3] - Diệu Hồ - Trần Thị Tú Oanh, (2019), *Tuyển tập 400 mẫu bài dịch Trung - Việt, Việt Trung*, NXB Đà Nẵng.

[4] - Nguyễn Hữu Trí, (2003), *Thực hành ngữ pháp tiếng Hán hiện đại*, NXB Đà Nẵng.

#### 14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	<p><b>第一章 固定词组的翻译</b></p> <p><b>Mục tiêu chương:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được các từ, cụm từ và cấu trúc câu cố định cần dịch trong chương.</li> <li>- Sử dụng đúng từ, cấu trúc câu phù hợp để dịch văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Trung theo chủ đề của bài.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>幸亏...要不/要不然/才...; 由... 决定...; 再也不/再也没有...; 是...的; 都...了; 有的...有的...; 越...越...; 越来越...; 除... 以外, ...; 对...来说...; 一天比一天; 非...不可...; 好容易才/好不容易...; 连...都/也...; 又... 又...; 太...了; 该...了; 在...下; 到...为止; 再三...</p>	10 (OLT, 10TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Thảo luận nhóm.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng giải, phân tích cách dùng cấu trúc câu cố định cần dịch trong chương.</li> <li>+ Phân nhóm, giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời, trình bày kết quả thảo luận nhóm.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 6. [2]: Trang 55 - 100.</li> <li>+ Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ.</li> <li>+ Suy nghĩ, làm bài, trả lời, thảo luận và trình bày kết quả.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 1 - 6. [3]: Trang 5 - 40.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
2	<p><b>第二章 复句的翻译</b></p> <p><b>Mục tiêu chương:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được các từ, cụm từ và các cặp liên từ của câu phức cần dịch trong chương.</li> <li>- Sử dụng đúng từ, cấu trúc câu phù hợp để dịch văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Trung theo chủ đề của bài.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p>	15 (OLT, 1 3TH, 2 KT)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng giải, phân tích cách dùng, đặc điểm của các cặp liên từ của câu phức đẳng lập và câu phức chính phụ cần dịch.</li> <li>+ Phân nhóm, giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời, trình bày kết quả thảo luận nhóm.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	第一节：联合复句 第二节：偏正复句 <b>Bài kiểm tra số 1.</b>		+ Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 7 - 18. [2]: Trang 55 - 100. [4]: Trang 475 - 503. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ, làm bài, trả lời, thảo luận và trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 7 - 18. [2]: Trang 41 - 80. + Làm bài kiểm tra số 1.	
3	<b>第三章 短语的翻译</b> <b>Mục tiêu chương:</b> Liệt kê được các từ vựng, cụm từ, cấu trúc câu sử dụng để dịch các đoạn văn trong các lĩnh vực của đời sống như giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam. - Sử dụng đúng từ, cấu trúc câu phù hợp để dịch văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Trung theo chủ đề của bài. <b>Nội dung cụ thể:</b> 第一节：交际理论 第二节：社会 - 经济 第三节：体育 - 文化 第四节：技术 - 科学 第五节：越南概况 第六节：教育 第七节：历史 - 地理	15 (OLT,1 3TH,2 KT)	<b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giảng giải, phân tích cách dùng từ vựng, cụm từ, cấu trúc câu sử dụng để dịch các đoạn văn trong các lĩnh vực của đời sống trong chương. + Phân nhóm, giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài. + Gọi sinh viên trả lời, trình bày kết quả thảo luận nhóm. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 19 - 34. [2]: Trang 104 - 177. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ, làm bài, trả lời, thảo luận và trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong	CDR1.1, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.



T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	第八节：经营 – 商业 <b>Bài kiểm tra số 2.</b>		[1]: Trang 19 - 34. [3]: Trang 81- 100. + Làm bài kiểm tra số 2.	
4	<p>第四章 越语缩略语的翻译</p> <p><b>Mục tiêu chương:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định, liệt kê được các từ, cụm từ thường xuyên viết tắt bằng chữ la tinh về các tổ chức quốc tế, và các đơn vị tổ chức khác bằng tiếng Trung.</li> <li>- Sử dụng đúng từ, cấu trúc câu phù hợp để dịch văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Trung theo chủ đề của bài.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. 国际组织</li> <li>2. 其他组织级单位名称</li> </ol> <p>Bài kiểm tra số 3.</p>	5 (0LT, 3TH, 2KT)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Thảo luận nhóm.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng giải, đưa nghĩa các từ, cụm từ được viết tắt trong chương, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phân nhóm, giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời, trình bày kết quả thảo luận nhóm.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 35 - 48.</li> <li>+ Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ.</li> <li>+ Suy nghĩ, làm bài, trả lời, thảo luận và trình bày kết quả.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong: [3]: Trang 101 - 139.</li> <li>+ Làm bài kiểm tra số 3.</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**KT HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa